

Số: *14* /2018/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày *02* tháng *5* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường
với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước
về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~12~~ tháng 5 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *2*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh; | Bản ĐT
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, các nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các sở, ban, ngành có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm chủ động giải quyết, xử lý theo thẩm quyền.

3. Khi có nội dung cần phối hợp, cơ quan chủ trì chủ động tổ chức sự phối hợp cho phù hợp và đảm bảo hiệu quả; các đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm tham gia trong quá trình giải quyết các nội dung theo chức năng nhiệm vụ của mình.

4. Mọi hoạt động của các tổ chức và cá nhân liên quan đến tài nguyên, môi trường phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; các hành vi vi phạm phải được phát hiện và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Khi có những vấn đề đặt ra cần phối hợp, cơ quan đề nghị phối hợp chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có), theo tính chất công việc, thời gian trả lời văn bản của cơ quan phối hợp sẽ được ghi đối với từng công việc cụ thể, cơ quan được đề nghị khi nhận được văn bản có trách nhiệm phối hợp, trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị.

2. Trong quá trình phối hợp, các cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Tăng cường công tác thông tin hai chiều, trao đổi trực tiếp; đối với những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất, thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hoặc chỉ đạo.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 4. Xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn huyện theo thẩm quyền.

3. Quá trình xây dựng cần xin ý kiến góp ý đối với dự thảo từ các cơ quan phối hợp. Quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản nếu có phát sinh vấn đề khó khăn, bất cập cần phản ánh bằng văn bản kịp thời về cơ quan chủ trì xây dựng để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thường xuyên rà soát địa bàn kịp thời, thông tin về các khu vực có phát hiện mới về khoáng sản để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch; đề xuất bổ

sung hoặc loại bỏ các vị trí khai thác đá, cát, sỏi vào quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Điều 6. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc địa phương quản lý; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản đến thôn/bản/xóm; vận động nhân dân địa phương không khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép, phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép; thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;

b) Tổ chức lực lượng, chủ động trong công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; khi phát hiện hoạt động khai thác khoáng sản trái phép thì tạm giữ phương tiện, tang vật và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép vượt thẩm quyền xử lý của địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép kéo dài mà không xử lý ngăn chặn hoặc để tình trạng mua, bán, tặng cho, vận chuyển khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp mà không phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, đến khi các cơ quan chức năng kiểm tra mới phát hiện;

c) Quản lý chặt chẽ việc đăng ký tạm trú tại địa phương; nghiêm cấm mở đường, tạo dựng bến bãi, lán, trại để khai thác khoáng sản trái phép;

d) Căn cứ đặc điểm tình hình khoáng sản chưa khai thác của địa phương, hàng năm lập dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, trình Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt, bố trí kinh phí để thực hiện;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cử lực lượng tham gia cùng các sở, ngành có liên quan kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; chịu trách nhiệm giữ phương tiện, tang vật vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản khi được bàn giao;

e) Định kỳ 6 tháng báo cáo tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiệm vụ:

a) Chủ trì và chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp; chủ động tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép; kiểm tra, xử lý các bến bãi kinh doanh khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý; tạm giữ, tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm khai thác khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu vi phạm hình sự do khai thác khoáng sản trái phép gây ra, chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Trường hợp, vụ việc vượt quá thẩm quyền xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo các lực lượng trên địa bàn phối hợp để giải toả, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép;

c) Chỉ đạo Công an huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng, ban có liên quan của huyện phối hợp các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra xử lý và ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý;

d) Căn cứ đặc điểm tình hình khoáng sản chưa khai thác của địa phương, hàng năm lập dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí để thực hiện;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài;

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện việc đăng ký nhu cầu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản. Xây dựng chương trình, kế hoạch và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp trong công tác phổ biến các quy định của pháp luật về khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân tại địa phương;

g) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

b) Thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo đơn thư phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong trường hợp cần thiết;

c) Tổng hợp báo cáo kết quả quản lý khoáng sản chưa khai thác và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

d) Tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo định mức chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn; xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn và đưa vào Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm.

Điều 7. Giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân

1. Thủ tục hành chính liên quan đến việc hoạt động khoáng sản bao gồm:

a) Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại giấy phép

thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo phục hồi môi trường; giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản;

b) Các nội dung phối hợp xử lý các thủ tục hành chính khác có liên quan đến việc hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (cấp Quyết định chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) và của các Bộ, ngành Trung ương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm giải quyết, cho ý kiến theo thẩm quyền việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, xác nhận kế hoạch (*đề án*) bảo vệ môi trường theo thẩm quyền và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật, đánh giá việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân.

4. Việc kiểm tra hiện trạng và các vấn đề khác liên quan đến khu vực đề nghị cấp giấy phép khoáng sản do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp. Không tổ chức kiểm tra riêng lẻ từng cơ quan.

Điều 8. Quản lý hoạt động khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối trong việc phối hợp về quản lý hoạt động khoáng sản; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 02), cung cấp thông tin về sản lượng khoáng sản khai thác do các tổ chức, cá nhân gửi cho Cục Thuế để kiểm tra, đối chiếu với số liệu kê khai nộp thuế của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn theo quy định hiện hành. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền; đôn đốc việc ký quỹ phục hồi môi trường; kiểm tra việc chấp hành cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hoặc cho ý kiến. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc để các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản khi chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý sau cấp phép và chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường giao đất, giao mỏ.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện văn bản pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn.

3. Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến góp ý đối với dự thảo từ các cơ quan phối hợp. Trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước nếu có phát sinh các vấn đề khó khăn, bất cập cần phản ánh bằng văn bản kịp thời về cơ quan chủ trì xây dựng để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 10. Lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm cạn kiệt

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tiến hành lập quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm cạn kiệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên rà soát, đánh giá, lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp nhằm đưa ra các biện pháp xử lý khắc phục.

Điều 11. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập danh mục, kế hoạch, phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

Điều 12. Giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất theo thẩm quyền.

Điều 13. Giám sát tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông trong tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

Điều 14. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối trong việc phối hợp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo thẩm quyền. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền; đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của Luật tài nguyên nước, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc đề các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước khi không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Chương IV

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp tham gia xây dựng, góp ý dự thảo khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị.

Điều 16. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, Phương án cải tạo phục hồi môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của Chủ dự án; xem xét, rà soát hồ sơ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định; tổ chức hoạt động thẩm định Hội đồng thẩm định; rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ.

2. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cử công chức có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hồ sơ tham gia các hoạt động của Hội đồng thẩm định.

Điều 17. Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa Dự án vào hoạt động chính thức/kiểm tra, cấp quyết định chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của Chủ dự án; xem xét, rà soát hồ sơ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra; tổ chức kiểm tra.

2. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cử công chức có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hồ sơ tham gia Đoàn kiểm tra.

Điều 18. Xác nhận việc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của Chủ đầu tư; xem xét, rà soát hồ sơ; tổ chức lấy ý kiến, kiểm tra thực tế (nếu có); Cấp giấy xác nhận việc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

2. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cử công chức có chuyên môn liên quan cho ý kiến, kiểm tra thực tế khu vực thực hiện Dự án khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị.

Điều 19. Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của Chủ đầu tư; trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra; tổ chức kiểm tra thực địa; trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung.

2. Các Sở có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cử công chức có chuyên môn liên quan tham gia Đoàn kiểm tra.

Điều 20. Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và Cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của Chủ dự án; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; xem xét cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Trường hợp, Chủ nguồn thải thuộc đối tượng tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi chất thải nguy hại trong khuôn viên của cơ sở phát sinh chất thải nguy hại thì tiến hành kiểm tra trước khi cấp sổ.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Cử công chức tham gia đoàn kiểm tra khi Sở Tài nguyên và môi trường đề nghị.

Điều 21. Tổng hợp Kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị lập Kế hoạch và Dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm; tổng hợp Kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp chung.

Điều 22. Công tác nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị tổ chức các hoạt động hướng ứng Ngày môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; tổ chức tuyên truyền, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Phòng TN&MT, cán bộ kiêm nhiệm môi trường cấp xã và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học cho hội viên, cộng đồng dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phối hợp thực hiện khi có đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Phát hiện, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định danh mục các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời gửi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho Bộ, ngành có liên quan.

b) Sau khi nhận được quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải thông tin về cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại địa bàn trên trang thông tin điện tử của tỉnh, trên các phương tiện thông tin đại chúng cho đến khi cơ sở được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường; đồng thời phổ biến quyết định phê duyệt danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở có hoạt động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng biết.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Đăng tải thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của địa phương cho đến khi cơ sở được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường; đồng thời phổ biến quyết định phê duyệt danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở có hoạt động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng biết;

b) Thông tin thường xuyên về việc cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên hệ thống truyền thanh của địa phương

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông báo thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tới bản, tổ dân phố và tương đương, các tổ chức chính trị - xã hội của xã để biết và phối hợp giám sát việc thực hiện.

Điều 24. Xác nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì rà soát, giải quyết đề nghị xác nhận các cơ sở đã hoàn thành việc xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn: Cử công chức chuyên môn tham gia.

Điều 25. Điều tra, thống kê các nguồn thải, loại chất thải

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thống kê các nguồn thải, khối lượng, loại chất thải hàng năm phát sinh thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

Điều 26. Vận hành đường dây nóng về tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của cộng đồng và báo chí về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng do Bộ Tài nguyên và môi trường xây dựng:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Đầu mối đường dây cấp tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, xã phường: Xác minh thông tin của địa phương khi có tin báo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 27. Điều tra, phát hiện và xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường, báo cáo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành điều tra, phát hiện và xác định khu vực bị ô nhiễm, báo cáo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, xã phường phối hợp thực hiện.

Chương V

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 28. Trong chỉ đạo điều hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành

- a) Quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung của Quy định theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm được giao.

- b) Chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về quản lý chất lượng sản phẩm công trình đo đạc và bản đồ; lựa chọn tổ chức có đủ tư cách pháp nhân, có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung dự án, phương án để thực hiện các nội dung đo đạc và bản đồ.

c) Chỉ đạo thực hiện đúng các quy định về thẩm định các dự án, phương án có hạng mục đo đạc và bản đồ; về tổ chức kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công trình đo đạc và bản đồ.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:

+ Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

+ Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn huyện và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị thi công trong việc xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

+ Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định.

+ Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử công chức địa chính cấp xã, cán bộ xóm, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

+ Có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm.

+ Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã.

+ Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xê dịch, phá hủy hoặc làm hư hỏng.

+ Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

+ Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết.

Điều 29. Trong thẩm định phương án thi công trích đo địa chính, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm bản đồ phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng

1. Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì thẩm định các phương án thi công công trình trích đo bản đồ địa chính phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Chấp hành các nghiêm túc các quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ

b) Các chương trình, đề án, dự án nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (chủ đầu tư) có nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh nếu phải đo đạc mới thì phải có văn bản thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Chủ đầu tư phải khai thác hệ thống bản đồ, bản đồ nền địa chính và hồ sơ địa chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng chương trình đề án, dự án, nhiệm vụ phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành.

3. Cơ quan Tài chính, kho bạc các cấp: Khi thẩm định hồ sơ thanh toán, quyết toán, sản phẩm đo đạc và bản đồ cần chú ý kiểm tra và chỉ cho thanh toán khi có đủ hồ sơ kiểm tra, thẩm định kỹ thuật về chất lượng và khối lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền và biên bản giao nộp sản phẩm tài liệu cho các cơ quan quản lý theo quy định.

Chương VI

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Điều 30. Tham mưu việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trong việc soạn thảo đối với các văn bản có nội dung quy định về quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng giá đất.

b) Sở Tài chính chủ trì trong việc soạn thảo đối với các văn bản quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tiền cho thuê đất.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành có trách nhiệm tham gia, góp ý theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định theo quy định.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ

a) Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn.

b) Sở Tài chính hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn.

c) Cục Thuế tỉnh hướng dẫn chuyên môn liên quan đến các nội dung về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều 31. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ

a) Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

b) Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi nhu cầu sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia và xác định danh mục các dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ

a) Các phòng, ban cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

b) Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

a) Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất trong kế hoạch hàng năm của cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 10 năm trước để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp khi xây dựng kế hoạch.

b) Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 32. Phối hợp trong việc xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất; xác định các khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch hàng năm của cấp huyện, bao gồm:

1. Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất của ngành, lĩnh vực mình quản lý và thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó xác định rõ:

a) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

b) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách

nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại.

c) Vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đầu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm kế hoạch đã có chủ trương bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực cần phải chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch trên từng đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương trong năm kế hoạch và có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 33. Thu hồi đất khi tổ chức bị giải thể hoặc phá sản

Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản thì cơ quan ban hành quyết định giải thể, phá sản gửi quyết định giải thể, phá sản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để lập hồ sơ thu hồi đất.

Điều 34. Về công tác bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện theo các nội dung sau:

a) Hướng dẫn chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với cấp huyện.

b) Kiểm tra phương án giá đất bồi thường cụ thể của các dự án và gửi thẩm định theo quy trình thẩm định giá của tỉnh sau khi nhận đủ hồ sơ của phương án giá đất bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến.

c) Chủ trì tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án chỉ thu hồi đất đối với tổ chức sau khi nhận được đủ hồ sơ bồi thường do tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến.

d) Tổ chức xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường đối với các dự án theo Điểm b Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ về công tác bồi thường theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát và góp ý để sửa đổi, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho phù hợp với điều kiện thực tế

của các địa phương; chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng phương án giá đất cụ thể bồi thường để gửi thẩm định theo quy định.

Điều 35. Công tác quản lý tài chính về đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn về công tác điều tra giá đất, áp dụng bảng giá đất của tỉnh, xác định giá đất cụ thể và hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác điều tra và định giá đất theo đề nghị của cấp huyện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc thực hiện chính sách, xác định đơn giá thu và mức thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tiền cho thuê đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nhiệm vụ định giá đất trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác điều tra thu thập thông tin chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn hàng tháng và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường cuối mỗi quý để thống kê giá đất thị trường làm cơ sở để xác định giá đất cụ thể; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai về giá đất của tỉnh.

b) Chủ động rà soát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường các khu vực đã đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng hoặc có biến động lớn về giá đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng phương án giá đất bổ sung hoặc điều chỉnh bảng giá đất theo quy định.

c) Cử các đơn vị chuyên môn liên quan tham gia các cuộc họp xây dựng bảng giá đất hoặc định giá đất cụ thể theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh.

Điều 36. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp thông tin, số liệu để Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch cấp giấy chứng nhận lần đầu trên địa bàn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo tiến độ quy định; cử viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, phối hợp tiếp nhận giải quyết phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính.

b) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

d) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận lần đầu trên địa bàn và triển khai thực hiện theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp tổ chức thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý dự án Đầu tư và xây dựng cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp hồ sơ giải phóng mặt bằng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh cấp huyện thực hiện việc cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các quy hoạch xây dựng cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính.

b) Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và trả lời phiếu lấy ý kiến của Văn phòng Đăng ký đất đai để xác minh thông tin về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Cử cán bộ tham gia kiểm tra thực địa theo giấy mời của Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

c) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.

d) Thực hiện công tác chỉnh lý biên động đất đai theo quy định.

đ) Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai hoặc giấy chứng nhận đã cấp thì kiểm tra, xác nhận về sự thay đổi hoặc không thay đổi ranh giới thửa đất đang sử dụng so với thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, xác nhận tình trạng tranh chấp.

e) Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Điều 37. Thống kê, kiểm kê đất đai

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc thống kê, kiểm kê cấp xã, chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh cấp huyện kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê cấp xã, tham mưu, tổng hợp kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân huyện xác nhận kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cấp tỉnh tiếp nhận và kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện, tham mưu tổng hợp kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh, báo cáo sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký duyệt kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm giám sát, theo dõi việc chấp hành pháp luật của các đối tượng được thanh tra, đối tượng bị xử phạt hành chính trên địa bàn; cử cán bộ tham gia các đoàn thanh tra theo yêu cầu.

Điều 39. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo lần đầu cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có quyết định giao cho Sở xác minh lần 2; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác định chính xác vị trí đất tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo đơn; cùng tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai phát sinh trên địa bàn.

Điều 40. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp đối tượng sử dụng đất là tổ chức

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức bàn giao đất thực địa cho các tổ chức sử dụng đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả.

Điều 42. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *z*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh